VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 501 /VHL-UDTKCN	*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016*
V/v đăng ký đề xuất nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình BĐKH/16-20	

Kính gửi: Các đơn vị nghiên cứu

Ngày 21/3/2016, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhận được Công văn số 680/BTNMT-KHCN ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020", gọi tắt là Chương trình BĐKH/16-20 (Công văn gửi kèm qua email của đơn vị).

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thông báo và đề nghị các đơn vị, cá nhân tích cực tham gia đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình BĐKH/16-20. Hồ sơ đề xuất, đặt hàng và đăng ký theo mẫu (gửi kèm qua email của đơn vị), gửi theo đường công văn về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 4 năm 2016 theo địa chỉ:

Văn phòng Chương trình BĐKH/16-20: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội (Bản điện tử gửi qua email: vpctbdkh@monre.gov.vn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT. Châu Văn Minh (để b/c);
- PCT. Dương Ngọc Hải (để b/c);
- Lưu: VT, UDTKCN.KH

TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN ỨNG DỤNG VÀ TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ

Nguyễn Hoài Châu

159

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 650 /BTNMT-KHCN
V/v đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình BĐKH/16 - 20

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2016

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
ĐẾN Số: 412
Ngày: 21/3
Chuyển: Ban HĐTCCN

Kính gửi: Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam

Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020" gọi tắt là Chương trình, mã số BĐKH/16-20 tại Quyết định số 172/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Để triển khai thực hiện Chương trình, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng gửi tới các Bộ, ngành và địa phương xem xét lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân đề xuất để xây dựng các đề xuất đặt hàng. Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 172/QĐ-BKHCN (xin gửi kèm theo).

Trình tự đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Hồ sơ đề xuất đặt hàng bao gồm:

(1) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân (Phụ lục 1);

(2) Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Phụ lục 2);

(3) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng là phụ lục của đề xuất đặt hàng;

(4) Tổng hợp các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương (Phụ lục 3).

Hồ sơ xin gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Văn phòng Chương trình BĐKH/16-20, số 10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội) chậm nhất trước ngày 30 tháng 4 năm 2016 (file số gửi theo địa chỉ email: *vpctbdkh@monre.gov.vn*) để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Ban chủ nhiệm Chương trình BĐKH/16-20;
- Lưu VT, KHCN.90.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục 1
Mẫu A1-ĐXNV
07/2014/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*

3. Mục tiêu:

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*

5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:

6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

7. Dự kiến hiệu quả mang lại:

8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)

9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1 Xuất xứ hình thành:

(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.

Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

..., ngày ... tháng... năm 20…

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Phụ lục 2
Mẫu B1-ĐXĐH
07/2014/TT-BKHCN

TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
(Dùng cho đề tài KH&CN hoặc đề án khoa học)

1. Tên nhiệm vụ KHCN:

2. Lý do đề xuất: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động to lớn và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...*
   Lưu ý:
   - *Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ*
   - *Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)*

3. Mục tiêu:

4. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:

6. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

7. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

BỘ, NGÀNH.... (*Ghi rõ tên*)
ĐƠN VỊ: ...

Phụ lục 2

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CÁC VẤN ĐỀ, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT Ở CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 2016

(Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2016 của ...)

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Thuộc lĩnh vực	Lý do	Dự kiến hiệu quả mang lai

....., ngày tháng năm 2016
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 172/QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020"

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01năm 2014 của Chính phủ ban hành về "Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường";

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5080/BTNMT-KHCN ngày 23 tháng 11 năm 2015 và số 5539/BTNMT-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc đề xuất đặt hàng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020", mã số BĐKH/16-20 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu

1. Ứng dụng có hiệu quả công cụ, mô hình tiên tiến trong giám sát biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện Việt Nam; Đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của triều cường, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng gây ra tại các vùng trọng điểm (Đồng bằng sông Cửu Long, ven biển miền Trung và Đồng bằng sông Hồng).

2. Cung cấp luận chứng khoa học cho việc đánh giá tiềm năng, giá trị của một số tài nguyên quan trọng trên đất liền và biển, hải đảo, đồng thời đề xuất các định hướng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

3. Làm rõ quan hệ và lượng giá biến đổi khí hậu - tài nguyên - môi trường - hệ sinh thái, theo đó đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, quản lý tổng hợp tại một số vùng trọng điểm.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học để nhận dạng các tác động của biến đổi khí hậu và sự thay đổi của các hiện tượng khí hậu thông thường phục vụ công tác đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam;

- Xây dựng, phát triển hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với Việt Nam, đảm bảo hội nhập quốc tế; đề xuất giải pháp, mô hình ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý tài nguyên và đảm bảo an ninh phi truyền thống đối với một số vùng trọng điểm (lưu vực những sông chính, Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Sông Hồng, ven biển Miền Trung);

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền, nhất là các địa phương ven biển, vùng núi cao, vùng dễ bị tổn thương. Tập trung chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng các bon thấp, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh, nông nghiệp thông minh, đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội, chuyển hóa các thách thức từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Về quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nghiên cứu xây dựng mô hình và ứng dụng công nghệ hiện đại trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá, giám sát quản lý và sử dụng đất, đất ngập nước phục vụ công tác quản lý, sử dụng đất bền vững;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý, khai thác nguồn thu từ đất, kinh tế đất;

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước nội địa và liên quốc gia;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám, công cụ mô hình toán, tự động hóa trong đánh giá, dự báo, vận hành điều tiết nước, giám sát tài nguyên nước, kiểm soát các hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác bền vững, minh bạch khoáng sản, tài nguyên vị thế, tài nguyên sinh vật, gắn với bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

- Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong đo vẽ bản đồ địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản biển và khoáng sản ẩn sâu phần đất liền;

- Nghiên cứu cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường theo từng loại hình và khu vực; đề xuất cơ chế chính sách bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong mối tương quan với biến đổi khí hậu.

3. Nghiên cứu cơ sở khoa học đối với những vấn đề có tính tổng hợp, liên ngành và liên vùng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và mối liên hệ tác động giữa biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường theo đặc trưng vùng; xác lập quan hệ và lượng giá biến đổi khí hậu - tài nguyên - môi trường và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, quản lý tổng hợp một số vùng trọng điểm (lưu vực những sông chính, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển Miền Trung); xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn hạch toán tài nguyên và môi trường trong hệ thống hạch toán mới của quốc gia phục vụ công tác hoạch định chính sách, điều hành và quản lý;

- Nghiên cứu và phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển và phân phối sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình trình diễn lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của địa phương và các vùng trọng điểm;

- Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ mới, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường.

4. Lựa chọn và hỗ trợ chuyển giao các kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015".

III. Sản phẩm khoa học và công nghệ

1. Cơ chế chính sách, công nghệ, giải pháp, mô hình tính toán trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

2. Các mô hình trình diễn lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương và các vùng trọng điểm.

3. Báo cáo tổng kết, các báo cáo chuyên đề, sách chuyên khảo, các công trình khoa học công nghệ công bố, tài liệu tập huấn.

IV. Các chỉ tiêu đánh giá

1. Chỉ tiêu về trình độ khoa học: 100% đề tài/dự án có kết quả được công bố trên tạp chí khoa học công nghệ có uy tín của quốc gia, ít nhất 20% đề tài/dự án có kết quả được công bố quốc tế.

2. Chỉ tiêu về ứng dụng thực tiễn: 100% kết quả nghiên cứu có địa chỉ ứng dụng, trong đó ít nhất 60% các công nghệ, chính sách, giải pháp, mô hình đề xuất, cơ sở dữ liệu được các cấp có thẩm quyền (Chính phủ, Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) chấp thuận cho phép triển khai.

3. Chỉ tiêu sở hữu trí tuệ: 30% số đề tài/dự án có kết quả được chấp nhận đơn yêu cầu bảo hộ sở hữu trí tuệ (giải pháp hữu ích cho sáng chế).

4. Chỉ tiêu về đào tạo: 80% số đề tài, dự án đào tạo được hoặc góp phần đào tạo ít nhất là 01 tiến sỹ và 01 đến 02 thạc sỹ.

5. Chỉ tiêu về cơ cấu, nhiệm vụ khi kết thúc chương trình:

- 50% đề tài/dự án có kết quả phục vụ trực tiếp cho việc ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các vùng trọng điểm;

- 20% đề tài/dự án có kết quả phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý tài nguyên và môi trường;

- 20% đề tài/dự án có kết quả nghiên cứu mang tính tổng hợp phục vụ liên ngành và liên vùng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường;

- 10% các dự án triển khai từ kết quả nghiên cứu và có khả năng nhân ra diện rộng.

Điều 2. Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch – Tổng hợp, Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Công Tạc

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ: XHTN, KHTH.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 172/QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020"

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01năm 2014 của Chính phủ ban hành về "Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường";

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5080/BTNMT-KHCN ngày 23 tháng 11 năm 2015 và số 5539/BTNMT-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc đề xuất đặt hàng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020", mã số BĐKH/16-20 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu

1. Ứng dụng có hiệu quả công cụ, mô hình tiên tiến trong giám sát biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện Việt Nam; Đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của triều cường, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng gây ra tại các vùng trọng điểm (Đồng bằng sông Cửu Long, ven biển miền Trung và Đồng bằng sông Hồng).

2. Cung cấp luận chứng khoa học cho việc đánh giá tiềm năng, giá trị của một số tài nguyên quan trọng trên đất liền và biển, hải đảo, đồng thời đề xuất các định hướng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

3. Làm rõ quan hệ và lượng giá biến đổi khí hậu - tài nguyên - môi trường - hệ sinh thái, theo đó đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, quản lý tổng hợp tại một số vùng trọng điểm.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học để nhận dạng các tác động của biến đổi khí hậu và sự thay đổi của các hiện tượng khí hậu thông thường phục vụ công tác đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam;

- Xây dựng, phát triển hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với Việt Nam, đảm bảo hội nhập quốc tế; đề xuất giải pháp, mô hình ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý tài nguyên và đảm bảo an ninh phi truyền thống đối với một số vùng trọng điểm (lưu vực những sông chính, Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Sông Hồng, ven biển Miền Trung);

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền, nhất là các địa phương ven biển, vùng núi cao, vùng dễ bị tổn thương. Tập trung chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng các bon thấp, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh, nông nghiệp thông minh, đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội, chuyển hóa các thách thức từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Về quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nghiên cứu xây dựng mô hình và ứng dụng công nghệ hiện đại trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá, giám sát quản lý và sử dụng đất, đất ngập nước phục vụ công tác quản lý, sử dụng đất bền vững;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý, khai thác nguồn thu từ đất, kinh tế đất;

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước nội địa và liên quốc gia;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám, công cụ mô hình toán, tự động hóa trong đánh giá, dự báo, vận hành điều tiết nước, giám sát tài nguyên nước, kiểm soát các hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác bền vững, minh bạch khoáng sản, tài nguyên vị thế, tài nguyên sinh vật, gắn với bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

- Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong đo vẽ bản đồ địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản biển và khoáng sản ẩn sâu phần đất liền;

- Nghiên cứu cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường theo từng loại hình và khu vực; đề xuất cơ chế chính sách bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong mối tương quan với biến đổi khí hậu.

3. Nghiên cứu cơ sở khoa học đối với những vấn đề có tính tổng hợp, liên ngành và liên vùng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và mối liên hệ tác động giữa biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường theo đặc trưng vùng; xác lập quan hệ và lượng giá biến đổi khí hậu - tài nguyên - môi trường và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, quản lý tổng hợp một số vùng trọng điểm (lưu vực những sông chính, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển Miền Trung); xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn hạch toán tài nguyên và môi trường trong hệ thống hạch toán mới của quốc gia phục vụ công tác hoạch định chính sách, điều hành và quản lý;

- Nghiên cứu và phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển và phân phối sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình trình diễn lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của địa phương và các vùng trọng điểm;

- Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ mới, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường.

4. Lựa chọn và hỗ trợ chuyển giao các kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015".

III. Sản phẩm khoa học và công nghệ

1. Cơ chế chính sách, công nghệ, giải pháp, mô hình tính toán trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

2. Các mô hình trình diễn lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương và các vùng trọng điểm.

3. Báo cáo tổng kết, các báo cáo chuyên đề, sách chuyên khảo, các công trình khoa học công nghệ công bố, tài liệu tập huấn.

IV. Các chỉ tiêu đánh giá

1. Chỉ tiêu về trình độ khoa học: 100% đề tài/dự án có kết quả được công bố trên tạp chí khoa học công nghệ có uy tín của quốc gia, ít nhất 20% đề tài/dự án có kết quả được công bố quốc tế.

2. Chỉ tiêu về ứng dụng thực tiễn: 100% kết quả nghiên cứu có địa chỉ ứng dụng, trong đó ít nhất 60% các công nghệ, chính sách, giải pháp, mô hình đề xuất, cơ sở dữ liệu được các cấp có thẩm quyền (Chính phủ, Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) chấp thuận cho phép triển khai.

3. Chỉ tiêu sở hữu trí tuệ: 30% số đề tài/dự án có kết quả được chấp nhận đơn yêu cầu bảo hộ sở hữu trí tuệ (giải pháp hữu ích cho sáng chế).

4. Chỉ tiêu về đào tạo: 80% số đề tài, dự án đào tạo được hoặc góp phần đào tạo ít nhất là 01 tiến sỹ và 01 đến 02 thạc sỹ.

5. Chỉ tiêu về cơ cấu, nhiệm vụ khi kết thúc chương trình:

- 50% đề tài/dự án có kết quả phục vụ trực tiếp cho việc ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các vùng trọng điểm;

- 20% đề tài/dự án có kết quả phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý tài nguyên và môi trường;

- 20% đề tài/dự án có kết quả nghiên cứu mang tính tổng hợp phục vụ liên ngành và liên vùng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường;

- 10% các dự án triển khai từ kết quả nghiên cứu và có khả năng nhân ra diện rộng.

Điều 2. Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch – Tổng hợp, Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Công Tạc

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ: XHTN, KHTH.